

Số 01 /PGDDĐT-GDMN

Cẩm Giàng, ngày 20 tháng 02 năm 2023

QUY ĐỊNH
Tiêu chí đánh giá thi đua đối với các trường mầm non
Năm học 2022 - 2023

Căn cứ Căn cứ Công văn số 1222/SGDDĐT-VP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương về việc triển khai thực hiện công tác thi đua, khen thưởng năm học 2022-2023; Công văn số 1533/SGDDĐT-VP ngày 07/11/2022 về hướng dẫn bình xét thi đua đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo năm học 2022-2023;

Thực hiện Kế hoạch số 31/KH-PGDĐT ngày 05/9/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non (GDMN) năm học 2022-2023, Phòng GDĐT xây dựng tiêu chí đánh giá thi đua đối với các trường mầm non năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA
1	Công tác tham mưu và quản lý giáo dục	25 điểm
1.1	Cập nhật đầy đủ, kịp thời và triển khai, thực hiện có hiệu quả các các văn bản đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, Sở, Phòng GDĐT phù hợp với tình hình địa phương. <i>(Cập nhật đầy đủ, kịp thời: 0,5đ, Triển khai thực hiện có hiệu quả: 0,5đ)</i>	1
1.2	Tham mưu lãnh đạo địa phương rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới trường, lớp theo hướng chuẩn hóa, phù hợp với tình hình thực tế địa phương, đáp ứng nhu cầu gửi trẻ đến trường của nhân dân. <i>(XD quy hoạch PT mạng lưới trường, lớp đến 2025: 0,5đ Có quy hoạch quỹ đất đảm bảo ĐKXD trường chuẩn QG theo TT 13: 0,5đ. Có quan tâm, đầu tư các ĐK, CSVC để triển khai áp dụng các mô hình, PPGD tiên tiến: 1đ)</i>	2
1.3	Thực hiện tốt công tác tham mưu đầu tư, huy động xã hội hóa nhằm tăng cường các điều kiện CSVC để triển khai áp dụng các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến trong nhà trường.	2
1.4	Tham mưu, bố trí đủ nguồn kinh phí để tổ chức khám chuyên khoa cho trẻ MN theo đúng quy định.	1
1.5	- Thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước, đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và dân chủ, công khai, đúng quy định; <i>(1đ)</i> - Quản lý và thực hiện đúng các quy định về lĩnh vực tài chính, không xảy ra tình trạng lạm thu trong đơn vị. <i>(1đ)</i>	2
1,6	- Quản lý, chỉ đạo sử dụng hồ sơ, sổ sách, tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, trang	2

	<p>thiết bị trong cơ sở GDMN đúng quy định, tinh gọn, hiệu quả, không để xảy ra hiện tượng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong cơ GDMN.</p> <p>(Đủ hồ sơ, sổ sách, tài liệu theo quy định, ghi chép, cập nhật đầy đủ, thường xuyên: 1đ; Đủ đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị theo quy định, sử dụng thường xuyên, hiệu quả: 1đ)</p>	
1.7	<p>Tham mưu với địa phương để quản lý, giúp đỡ cơ sở GDMN ngoài công lập trên địa bàn được cấp phép và hoạt động theo đúng quy định;</p> <p>Có biện pháp tích cực giúp đỡ CSMN độc lập quản lý và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.</p> <p>(Có trong kế hoạch nhà trường: 0,5đ; cơ sở GDMNNCL có giấy phép hoạt động và hoạt động theo đúng quy định: 0,5đ; chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong các cơ sở GDMNNCL đảm bảo, hiệu quả: 1đ)</p>	2
1.8	<ul style="list-style-type: none"> - Có giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý của đơn vị (0,5đ). - Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ, giám sát, tư vấn, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục trong đơn vị (XD kế hoạch công tác kiểm tra nội bộ: 0,25đ. Tổ chức triển khai có hiệu quả kế hoạch đề ra: 0,25đ, Lưu giữ hồ sơ kiểm tra đầy đủ: 0,25đ); - Thường xuyên làm tốt công tác tham mưu, phối hợp giữa các cấp, các đơn vị, đoàn thể trong quản lý GDMN; (0,25đ) - Phối hợp, thực hiện tốt sự giám sát của các tổ chức, đoàn thể trong việc thực hiện các quy định đối với hoạt động giáo dục trong đơn vị. (0,5đ) 	2
1.9	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công, sắp xếp số lượng người làm việc đúng vị trí việc làm và yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho người lao động (0,5đ) - Có 95% trở lên giáo viên đạt trình độ chuẩn theo quy định;(0,5đ) - Có giải pháp thu hút số lượng người làm việc theo định mức biên chế giao. Khắc phục tình trạng thiếu giáo viên;(0,5đ) - Đảm bảo quyền lợi, chế độ chính sách cho người lao động và trẻ mầm non đầy đủ, kịp thời theo quy định.(0,5đ) 	2
1.10	<ul style="list-style-type: none"> - Tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn do Sở và Phòng tổ chức (0,5đ); - Tổ chức quản lý có chất lượng các hình thức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (các hội nghị, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề, tập huấn, sơ kết, tổng kết, tham quan học tập) như: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ:(0,25đ) + Tổ chức bồi dưỡng theo kế hoạch: (0,25đ) + Nội dung bồi dưỡng có sáng tạo phù hợp với thực tiễn: (0,25đ) + Hiệu quả áp dụng thực hiện chuyên đề vào hoạt động: (0,75đ) 	2
1.11	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thực hiện tốt các phong trào thi đua của ngành, tạo động lực phấn đấu cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; (1đ) - Tích cực triển khai các Hội thi, giao lưu cấp huyện, cấp trường theo kế hoạch đầy đủ, hiệu quả (2đ); Tham gia các hội thi, giao lưu cấp tỉnh đạt kết quả cao. (1đ) 	4
1.12	<p>Triển khai thực hiện chế độ báo cáo, thống kê của đơn vị đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành theo đúng</p>	3

	thời gian quy định. (Đúng thời gian quy định: 1đ, Đầy đủ báo cáo: 1đ; Số liệu chính xác: 1đ)	
2	Công tác phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi	5 điểm
2.1	- 100% trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày và hoàn thành Chương trình GDMN;(0,5đ) - Trẻ em 5 tuổi được hưởng đầy đủ chế độ chính sách theo quy định (0,25đ) - Không có trẻ 5 tuổi học tại cơ sở GDMN độc lập, không đủ điều kiện;(0,25đ) - Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường: (2đ). Trong đó: + Nhà trẻ: 43%:(1đ);40% đến dưới 43% (0,75đ); 35% đến dưới 40% (0,5đ); Dưới 35% (0,25đ). + Mẫu giáo: tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đạt 99,5% trở lên (trẻ 5 tuổi đạt 100% được 1đ; nếu từ 99-dưới 99,5% được 0,75đ; trẻ 5 tuổi dưới 100% trừ 0,5đ);	3
2.2	Tham mưu cho các cấp chuẩn bị các điều kiện phổ cập GDMN cho trẻ 3 và 4 tuổi phù hợp với tình hình địa phương. (Có ND mới so với năm trước về điều kiện đội ngũ GV: 0,5đ, về CSVC: 0,5đ. Nếu không có ND gì mới so với năm trước mỗi điều kiện: 0,25 đ)	1
2.3	- Hồ sơ phổ cập đầy đủ, sắp xếp khoa học; (0,5đ) - Điều tra, thống kê, cập nhật số liệu phổ cập chính xác kịp thời.(0,5đ)	1
3	Quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất trường học	25 điểm
3.1	- Có đủ 1 phòng học/1nhóm, lớp; (1 đ). Có phòng học nhờ, tạm trừ 0,5đ. - Các phòng học đảm bảo diện tích, đúng quy cách theo quy định;(1đ) Có phòng học không đảm bảo diện tích, không đúng quy cách theo quy định trừ 0,5đ - Tỷ lệ phòng học kiến cố đạt 100% (1đ).	3
3.2	- Có đủ khối phòng giáo dục nghệ thuật, giáo dục thể chất, khối phòng hành chính quản trị, khối phụ trợ và hạ tầng kĩ thuật theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT;(1,5 đ). (Nếu thiếu phòng trong mỗi khối phòng trên trừ 0,25 đ) - Khai thác, sử dụng hiệu quả các phòng chuyên môn để góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.(0,5 đ)	2
3.3	- 100% điểm trường có tường bao, cổng trường, biển trường, sân chơi đảm bảo an toàn;(1,5đ) (Đủ tường bao, cổng trường, biển trường, sân chơi: 0,75đ. Nếu thiếu 01 nội dung trở lên trừ 0,25đ). Đảm bảo an toàn cho trẻ: 0,75đ, nếu có ND không đảm bảo an toàn cho trẻ trừ 0,5đ) - 100% điểm trường có sân chơi đủ đồ chơi, khu trải nghiệm ngoài trời theo quy định và đảm bảo an toàn; khai thác và tổ chức các hoạt động giáo dục tạo điều kiện, khuyến khích trẻ khám phá, trải nghiệm và phát triển vận động có hiệu quả.(1,5đ) (Đủ đồ chơi ngoài trời theo quy định 0,5đ, nếu thiếu trừ 0,25đ. Đồ chơi đảm bảo an toàn (0,5đ), nếu không đảm bảo an toàn trừ 0,25 đ, thường xuyên tạo điều kiện khuyến khích trẻ khám phá, trải nghiệm và phát triển vận động (0,5đ), nếu không thường xuyên trừ 0,25đ.	3
3.4	- 100% điểm trường có nguồn nước sạch, đủ công trình vệ sinh; (1đ).	3

	<ul style="list-style-type: none"> - Các công trình vệ sinh thiết kế theo quy định;(0,5 đ) - 100% nhà vệ sinh được sắp xếp khoa học, trang trí phù hợp với trẻ; (0,5đ) - 100 các nhà vệ sinh có đủ thiết bị vệ sinh đúng quy cách đảm bảo an toàn cho trẻ sử dụng; (1đ) 	
3.5	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường có bếp ăn bán trú đảm bảo diện tích, được bố trí, sắp xếp đúng quy trình một chiều, đúng quy cách; (1đ), nếu bếp cũ, cải tạo, chưa đảm bảo quy trình một chiều trừ 0,25đ, nếu có điểm trường chưa có bếp bán trú trừ 0,25đ) - Có đủ đồ dùng, trang thiết bị đảm bảo an toàn phòng cháy nổ, an toàn vệ sinh thực phẩm.(1đ), nếu không đủ hồ sơ, hồ còn thiếu nội dung theo quy định trừ 0,5đ. 	2
3.6	<ul style="list-style-type: none"> - Có 100% số nhóm, lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT:(1đ) - Sử dụng có hiệu quả đồ dùng đồ chơi(0,5đ) - Thực hiện tốt công tác quản lý đồ dùng đồ chơi; việc mua sắm bổ sung phải đảm bảo đúng quy trình, quy định. (0,5đ) 	2
3.7	<ul style="list-style-type: none"> - 98% nhóm trẻ; 99,5% lớp mẫu giáo (trong đó 100% lớp mẫu giáo 5 tuổi) được học phân tách đúng độ tuổi: (1đ); nếu không đảm bảo tỷ lệ trên trừ 0,5đ. - Không có nhóm, lớp học ghép 3 độ tuổi, không ghép nhà trẻ với mẫu giáo (1đ) 	2
3.8	<ul style="list-style-type: none"> - Sĩ số trẻ em/nhóm lớp theo đúng quy định tại Điều lệ trường MN: (1đ); nếu bình quân vượt quá sĩ số trẻ/lớp trừ 0,5đ. -Tỉ lệ nhóm trẻ/tổng số nhóm, lớp trong trường không dưới 26%.(1đ); nếu không đảm bảo tỷ lệ trên trừ 0,5đ. 	2
3.9	<p>Thực hiện tốt việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch xây dựng và đạt được trường đạt chuẩn QG mới theo kế hoạch năm học đề ra; (6đ) - Đối với các trường đến kỳ kiểm tra lại đạt chuẩn đảm bảo đúng thời gian trong năm học(5đ), nếu nâng mức chuẩn so với trước; (1đ) - Trường đã đạt chuẩn quốc gia chưa đến kỳ KT lại, tiếp tục duy trì và giữ vững các tiêu chuẩn của trường chuẩn (4đ); có xây dựng, bổ sung thêm một số công trình hoặc cải tạo, sửa chữa nâng cấp đáp ứng yêu cầu nâng chuẩn;(1đ). - Đối với trường chưa đạt chuẩn quốc gia: Có chương trình kế hoạch xây dựng đảm bảo điều kiện của mỗi tiêu chuẩn trường chuẩn hoặc do điều kiện về quy mô không đảm bảo điều trường chuẩn.(3-4đ) 	6
4	Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	35 điểm
4.1	Đảm bảo 100% trẻ tại cơ sở GDMN được tuyệt đối an toàn về thể chất và tinh thần.	5
4.2	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ sở GDMN thực hiện công tác y tế trường học đúng theo Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGD ngày 12/5/2015 của Bộ Y tế và Bộ GD&ĐT và Kế hoạch liên ngành số 11/LN- GDĐT-TTYT ngày 02/4/2021; (1đ) - Đảm bảo 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình 	2

	trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới. (1đ)	
4.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong đơn vị; (1đ) - Thực hiện đúng nguyên tắc hợp đồng mua bán thực phẩm, công khai thực đơn, tài chính đối với phụ huynh; nâng cao chất lượng tổ chức bán trú; (1đ) - Có giải pháp nâng cao tỉ lệ trẻ ăn bán trú tại trường, tỷ lệ trẻ nhà trẻ được bán trú đạt 98%, trẻ mẫu giáo 100%; (1đ), nếu không đạt tỷ lệ trên trừ 0,5đ 	3
4.4	<ul style="list-style-type: none"> - Có giải pháp nâng cao chất lượng ăn bán trú cho trẻ; (1đ) - Chất lượng bữa ăn tại trường/lớp bảo đảm cân đối, đa dạng, phù hợp với độ tuổi và cá nhân trẻ, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định; (2đ) - Giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi còn dưới 1%, khống chế tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì còn dưới 1,5%; (2đ); nếu không đạt tỷ lệ trên trừ 0,5đ/nội dung. 	5
4.5	Chủ động xây dựng, điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDMN sẵn sàng thích ứng linh hoạt với tình hình thiên tai, dịch bệnh... (5đ)	5
4.6	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp và chất lượng; (1đ) - Lồng ghép các nội dung giáo dục tích hợp linh hoạt và hiệu quả; (1đ) - Ứng dụng, thực hiện phương pháp giáo dục tiên tiến, mô hình điểm vào hoạt động giáo dục có hiệu quả; (1đ) - Tăng cường ứng dụng các công cụ hỗ trợ tạo môi trường cho trẻ làm quen với tiếng Anh. (1đ) 	4
4.7	Tích cực xây dựng Thư viện thân thiện trong trường MN, tạo môi trường văn hóa đọc phù hợp, hiệu quả cho trẻ MN (2đ)	2
4.8	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện hiệu quả, chất lượng chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025"; (2đ) - Nhà trường cũng như 100% nhóm, lớp tích cực tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ đảm bảo an toàn, phù hợp. (3đ) 	5
4.9	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo triển khai thực hiện có chất lượng chủ đề năm học "Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện"; (1,5đ) - 100% cơ sở GDMN khai thác có hiệu quả môi trường giáo dục phù hợp với thực tế. (1,5đ) 	3
4.10	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật (huy động trẻ khuyết tật đến trường, xây dựng kế hoạch, phương pháp giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập); (0,5đ) - 100% trẻ khuyết tật học hoà nhập có đủ hồ sơ, được đánh giá theo sự tiến bộ của trẻ. (0,5đ) 	1
5	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác truyền thông trong GDMN	10 điểm

5.1	Ứng dụng công nghệ thông tin để tiếp tục xây dựng và khai thác hiệu quả kho tài liệu, học liệu, video trực tuyến dùng chung nhằm hỗ trợ thực hiện chương trình GDMN.	2
5.2	Thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin; khai thác sử dụng có hiệu quả các phần mềm trong công tác quản lý và các hoạt động giáo dục trong nhà trường đảm bảo tính thống nhất, khách quan, chính xác và kịp thời, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ MN.	3
5.3	- Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDMN; (1đ) - Tích cực phối hợp với các cơ quan truyền thông tuyên truyền các hoạt động về giáo dục nhà trường, GDMN; (1đ) - Tăng cường tương tác giữa gia đình và nhà trường để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. (1đ)	3
5.4	Công tác triển khai chuyển đổi số theo Đề án 06 trong nhà trường - Đảm bảo 100% học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được cấp mã định danh và đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành; (1đ) - 100% cán bộ quản lý, giáo viên được cấp chữ ký số phục vụ hoạt động chuyên môn; (0,5đ) - Triển khai các khoản thu và thực hiện các khoản thu không dùng tiền mặt trong đơn vị. (0,5đ)	2
Tổng điểm		100

Trên đây là tiêu chí đánh giá thi đua đối với trường mầm non năm học 2022-2023. Phòng GDĐT yêu cầu các trường tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung quy định đánh giá thi đua. Trong quá trình triển khai thực hiện có vướng mắc, khó khăn gì cần báo cáo về phòng GDĐT xin ý kiến giải quyết./.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐKT huyện (để b/c)
- Phòng NV (P/h);
- LĐ, CV Phòng GDĐT (p/h chỉ đạo);
- Các trường MN (thực hiện);
- Lưu: VT, GDMN.

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Oanh